

DẠY NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT NHƯ MỘT NGOẠI NGỮ THEO PHƯƠNG PHÁP GIAO TIẾP*

THE COMMUNICATIVE APPROACH

IN TEACHING VIETNAMESE GRAMMAR TO FOREIGNERS

NGUYỄN HỒNG CỐN

(PGS, TS ĐH KHXH & NV, ĐHQGHN)

Abstract

The purpose of teaching Vietnamese grammar to foreigners (second language learners), from the view of the communicative approach, is to help learners develop their communicative competence in Vietnamese. To reach this target, it is necessary to teach learners both the grammar and language skills, using both deductive and inductive methods. The choice of grammatical material must be appropriate to the topic and communicative situations of the lesson, and should be designed in integration with the dialogues, reading texts, drills, exercises and communicative activities. And it is important that instructors have good knowledge of grammar and good skills of presenting, explaining and guiding learners through controlled drills and free dialogues, and have appropriate ways of testing and correcting errors.

1. Phương pháp giao tiếp và dạy ngữ pháp theo phương pháp giao tiếp

1.1 Phương pháp giao tiếp trong dạy tiếng

Cho đến nay, những người làm công việc dạy tiếng như một ngoại ngữ đã biết đến nhiều phương pháp dạy tiếng khác nhau như: phương pháp ngữ pháp – dịch, phương pháp trực tiếp, phương pháp nghe -nói, phương pháp nghe – nhìn, phương pháp gợi mở, phương pháp giao tiếp... Mỗi phương pháp đều có những điểm yếu và điểm mạnh nhất định, tùy thuộc vào việc người dạy và học tiếng nhằm mục đích gì. Trong các phương pháp đó, có thể nói phương pháp giao tiếp là phương pháp phù hợp hơn cả, nếu mục đích của việc dạy và học một ngôn ngữ là để người học giao tiếp được bằng ngôn ngữ đó (thông qua việc làm chủ được các kỹ năng nghe, nói, đọc, hiểu).

Theo cách tiếp cận của phương pháp giao tiếp (Canale & Swain, 1980; Bachman 1990, Vũ Thị Thanh Hương, 2007), trong dạy tiếng thay vì chỉ cung cấp các kiến thức ngôn ngữ học thuần túy cho người học, người dạy cần chú trọng phát triển “năng lực giao tiếp” (Communicative competence) của người học, mà mục đích cần đạt đến là: (1) năng lực ngôn ngữ/ngữ pháp, (2) năng lực diễn ngôn, (3) năng lực ngôn ngữ- xã hội và (4) năng lực chiến lược.

Để đạt được mục đích này, việc dạy và học tiếng cần phải tuân theo các nguyên tắc sau:

- Nguyên tắc giao tiếp: việc dạy và học phải luôn gắn với mục đích, hoạt động và bối cảnh giao tiếp
- Nguyên tắc lấy người học làm trung tâm: người học phải là trung tâm của các hoạt động ở trong lớp học (dưới sự hướng dẫn của người dạy)

• Nguyên tắc bản ngữ: lấy bản ngữ, tài liệu bản ngữ, bối cảnh văn hóa xã hội bản ngữ ở dạng tự nhiên nhất để giảng dạy.

Có thể thấy rõ sự khác biệt giữa phương pháp giao tiếp với các phương pháp dạy

tiếng khác (như phương pháp ngữ pháp dịch, phương pháp trực tiếp) qua bảng so sánh sau đây:

Tiêu chuẩn đánh giá	PP Ngữ pháp - dịch	PP Trực tiếp (nghe -nói, nghe -nhìn)	PP Giao tiếp
Mục đích	Kiến thức ¹ > Kỹ năng ²	Kỹ năng > Kiến thức	Kiến thức + Kỹ năng = Năng lực giao tiếp ₃
Hướng truyền đạt	Diễn dịch	Quy nạp	Diễn dịch + Quy nạp
Kỹ năng ưu tiên	Đọc, dịch > Nghe, nói, viết	Nghe, nói, viết > Đọc, dịch	Theo yêu cầu của người học
Ngôn ngữ thụ đắc	Chủ yếu là NN văn học	Chủ yếu là khẩu ngữ	NN văn học + Khẩu ngữ
Ngôn ngữ giảng dạy	Bản ngữ là chính	Ngoại ngữ là chính	Ngoại ngữ + Bản ngữ
Vai trò GV & SV	GV là trung tâm	SV là trung tâm	Cả GV& SV đều là trung tâm
Hoạt động của SV	Ít có hoạt động với GV và SV khác (thụ động, độc lập)	Hoạt động với GV (bắt chước) nhiều hơn với SV	Hoạt động cả với GV và SV khác (hoạt động nhóm)

1. Kiến thức: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp

2. Kỹ năng: Nghe, nói, đọc, viết, dịch

3. Năng lực giao tiếp, bao gồm:

- Năng lực ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp)

- Năng lực diễn ngôn (liên kết, hội thoại)

- Năng lực ngôn ngữ - xã hội (khung cảnh, chủ đề, quan hệ xã hội, phong cách, v.v)

- Năng lực chiến lược (lựa chọn chiến lược, xử lý tình huống giao tiếp)

(Canale & Swain 1980, Bachman 1990, Vũ Thị Thanh Hương, 2007).

1.2 Dạy ngữ pháp theo phương pháp giao tiếp

Vấn đề dạy ngữ pháp cho người học ngoại ngữ đã được nhiều nhà nghiên cứu và nhà sư phạm bàn đến, nhưng cho đến nay dường như vẫn chưa có câu trả lời thống nhất đối với vấn đề quan trọng nhưng cũng khá phức tạp này. Những người theo phương pháp ngữ pháp - dịch quan niệm việc dạy ngữ pháp với tư cách là tập hợp các quy tắc

hình thái – cú pháp là nhiệm vụ trung tâm của hoạt động dạy và học ngoại ngữ. Theo phương pháp này, ngữ pháp thường được dạy và học theo con đường diễn dịch: dành nhiều thời gian để giải thích, luyện tập sử dụng các quy tắc ngữ pháp độc lập hơn là gắn chúng với các hoạt động giao tiếp (Herron, C. & Tomasello, M. 1988). Ngược lại, những người theo phương pháp trực tiếp lại cho rằng việc dạy các quy tắc ngữ pháp là không cần thiết vì các kiến thức ngữ pháp được người học tiếp nhận theo con đường quy nạp thông qua quá trình học giao tiếp bản ngữ một cách trực tiếp (Krashen, S. D. 1992, Bussmann, Hadumod, 1996).

Đối lập với 2 cách tiếp cận có phần cực đoan trên đây, phương pháp giao tiếp cho rằng trong dạy ngoại ngữ, ngữ pháp không nên được dạy như là kiến thức ngôn ngữ học thuần túy mà như là phương tiện để người học tiếp nhận và tạo lập các diễn ngôn và văn bản. Vì vậy, cần kết hợp cả cách dạy theo hướng quy nạp (dạy ngữ pháp qua các

hoạt động giao tiếp) và theo hướng diễn dịch (dạy qua các cấu trúc ngữ pháp), nói cách khác đó là cách dạy quy nạp có định hướng. Chẳng hạn, theo R. Mitchell (2000), dạy ngữ pháp theo phương pháp giao tiếp phải hướng đến những mục đích sau :

- Có kế hoạch và có tính hệ thống, được định hướng bởi kết quả mà người học muốn đạt được sau khi kết thúc khóa học .

- Có thay đổi rõ ràng, cung cấp cho người học ở các trình độ khác nhau nhiều cơ hội khác nhau để gia tăng sự hiểu biết về ngữ pháp của họ.

- Có bổ sung và kế thừa: đưa dần dần các kiến thức mới trên cơ sở nhắc lại thường xuyên các kiến thức đã học.

- Động viên và đưa người học vào các hoạt động và các nhiệm vụ có định hướng, tạo cơ hội cho họ thực hành và sử dụng bản ngữ.

Tán thành cách tiếp cận của phương pháp giao tiếp đối với dạy ngữ pháp, dưới đây chúng tôi sẽ đi sâu thảo luận một số vấn đề liên quan đến nội dung và kỹ năng dạy ngữ pháp tiếng Việt cho người nước ngoài theo phương pháp giao tiếp.

2. Nội dung dạy ngữ pháp tiếng Việt theo phương pháp giao tiếp

Lựa chọn nội dung ngữ pháp tiếng Việt theo phương pháp giao tiếp

Có một sự khác biệt lớn giữa phương pháp giao tiếp và các phương pháp dạy tiếng khác trong việc lựa chọn nội dung ngữ pháp để dạy cho người học. Theo cách tiếp cận “focus on forms” của các phương pháp dạy tiếng truyền thống, người học gần như phải học tất cả các kiến thức ngữ pháp của một ngôn ngữ từ cấu tạo đến từ loại, các kiểu kết cấu cú pháp, các kiểu câu, v.v. Các nội dung ngữ pháp này thường được đưa vào bài học dựa trên tính hệ thống (từ pháp học và cú pháp học) và độ phức tạp (từ dễ đến khó) hơn là gắn chúng với mục đích giao tiếp đa dạng của người học. Ngược lại, với cách tiếp

cận “focus on meaning/function” của phương pháp giao tiếp, các nội dung ngữ pháp được lựa chọn theo mục đích của người học. Theo đó, các nội dung ngữ pháp phù hợp với một bài giảng là:

- Phù hợp với mục đích, yêu cầu của bài giảng

- Phù hợp với chủ đề của các bài hội thoại, bài đọc

- Phù hợp với trình độ của người học

- Phù hợp với các hoạt động giao tiếp của người học

Chẳng hạn, với bài hội thoại “Mua sắm” có mục đích dạy cho người học thực hiện các hoạt động giao tiếp trong mua bán, các nội dung ngữ pháp sau đây được coi phù hợp:

- Cách dùng lượng từ + loại từ/danh từ đơn vị + danh từ chỉ sự vật 2 quyển sách, 3 quả cam, 1 bộ quần áo, 50 nghìn đồng

- Câu tường thuật hay câu hỏi có các động từ tình thái cần/muốn/ thích...

(Anh muốn mua gì? Tôi muốn/cần mua)

- Câu hỏi về số lượng, giá cả với các đại từ nghi vấn bao nhiêu/mấy?

(Anh mua mấy cân cam? - Một cân cam bao nhiêu tiền?)

v.v

Việc đưa, chẳng hạn, cách dùng các từ xưng hô bằng quan hệ thân tộc (ông, bà, cha, mẹ, con, cháu ...) , các câu hỏi và trả lời về thời gian (mấy giờ?, bao giờ...?), địa điểm (ở đâu? đi đâu...), phương tiện đi lại (bằng gì?) ... sẽ khó thích hợp với chủ đề này.

Vì vậy , theo phương pháp giao tiếp , việc lựa chọn các nội dung ngữ pháp để dạy cho người học luôn luôn phải được tiến hành đồng thời với việc thiết kế các nội dung ngữ pháp cho giáo trình hoặc bài giảng.

2.2 Thiết kế nội dung ngữ pháp tiếng Việt theo phương pháp giao tiếp

Dù theo phương pháp nào, nội dung ngữ pháp trong giáo trình, bài giảng tiếng Việt

cho người nước ngoài cũng được trình bày ở ba phần: 1) ở phần chú giải các quy tắc ngữ pháp, 2) ở các bài hội thoại và bài đọc, và 3) ở các bài luyện và bài tập. Tuy nhiên, ở các giáo trình, bài giảng biên soạn theo cách tiếp cận “focus on forms”, nội dung ngữ pháp thường được thiết kế theo trình tự diễn dịch:

Các quy tắc ngữ pháp > Bài tập, bài luyện > Hội thoại, bài đọc

Ở các giáo trình, bài giảng tiếng Việt biên soạn theo cách tiếp cận của phương pháp giao tiếp (focus on meaning/function), các nội dung ngữ pháp lại được thiết kế theo trình tự ngược lại:

Hội thoại, bài đọc > Các quy tắc ngữ pháp > Bài tập, bài luyện

Theo đó, các quy tắc ngữ pháp không được đưa vào bài giảng một cách mặc định ngay từ đầu mà có mặt tiềm ẩn trong các bài hội thoại hay bài đọc phù hợp với chủ đề, và chỉ được giải thích hiển ngôn ở phần chú giải ngữ pháp và hướng dẫn sử dụng ở phần bài tập, bài luyện.

3. Kỹ năng dạy ngữ pháp tiếng Việt theo phương pháp giao tiếp

Không chỉ đòi hỏi lựa chọn và thiết kế các nội dung ngữ pháp phù hợp, phương pháp giao tiếp cũng yêu cầu người dạy phải có các kỹ năng dạy ngữ pháp đáp ứng với mục đích giao tiếp. Các kỹ năng này liên quan ít nhất đến 5 hoạt động sau đây:

Chuẩn bị trước giờ lên lớp

Để làm quen với các nội dung ngữ pháp mới của bài học và hình dung trước các hoạt động sẽ triển khai trong lớp học theo phương pháp giao tiếp, trước khi lên lớp người dạy cần có những bước chuẩn bị sau:

- Đọc kỹ phần chú giải ngữ pháp, bao gồm các nội dung ngữ pháp được đề cập, cách giải thích và các ví dụ minh họa (xem có gì chưa phù hợp cần điều chỉnh hoặc bổ sung).
- Đọc qua các bài hội thoại và bài đọc, lưu ý các hiện tượng ngữ pháp đã có ở phần chú giải hoặc hiện tượng ngữ pháp mới (không có ở phần chú giải).

- Chuẩn bị các bài luyện, bài thực hành (bao gồm các hoạt động giao tiếp), bài kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung ngữ pháp có trong bài.

- Yêu cầu học viên đọc trước bài hội thoại, bài đọc và phần chú giải ngữ pháp.

Khởi động dẫn nhập

Khởi động (brainstorming) là hoạt động giao tiếp nhằm tạo không khí và chuẩn bị tâm thế cho học viên tiếp thu nội dung ngữ pháp mới một cách tích cực và chủ động. Tùy theo nội dung bài học, giáo viên có thể lựa chọn các hoạt động giao tiếp khác nhau để người học chú ý. Chẳng hạn, để khởi động cho bài giảng có nội dung liên quan đến cách dùng trạng ngữ chỉ phương tiện, giáo viên có thể dùng các hoạt động giao tiếp như:

a) Hỏi – trả lời:

Giáo viên: *Sáng nay em đi học bằng gì?*

Học viên: Không trả lời, trả lời sai, hoặc trả lời đúng.

b) Xem tranh – mô tả: Giáo viên yêu cầu học viên mô tả một bức tranh có nhiều hoạt động mà sinh viên đã biết (chẳng hạn: một người đang ngủ, một người đang đọc báo), chỉ có hoạt động sử dụng phương tiện (một người đi xe máy) có thể SV chưa biết.

Cả hai cách trả lời (sai hoặc đúng) của người học đều có thể là lí do giúp giáo viên và học viên liên hệ đến nội dung ngữ pháp cần học là cách dùng trạng ngữ chỉ phương tiện.

Giới thiệu nội dung ngữ pháp

Sau phần khởi động là phần giới thiệu nội dung ngữ pháp cần học. Giáo viên có thể lựa chọn cách trình bày các nội dung ngữ pháp theo hướng quy nạp hoặc diễn dịch:

- Trình bày theo hướng quy nạp: Lấy các ví dụ từ bài hội thoại hoặc bài đọc > Giới thiệu các quy tắc ngữ pháp ở phần chú giải ngữ pháp > giải thích chức năng/ý nghĩa, cách dùng của các quy tắc ngữ pháp > luyện tập, thực hành.

- Trình bày theo hướng diễn dịch: Giới thiệu các quy tắc ngữ pháp > Lấy các ví dụ từ bài hội thoại/bài đọc minh họa > Giải thích chức năng/ý nghĩa, cách dùng > Luyện tập, thực hành.

Dưới đây là ví dụ về cách dạy cấu trúc ngữ pháp có các đại từ phiếm chỉ được sử dụng thành cặp đối ứng (ai...ấy, đâu...đấy, gì...nấy, v.v):

a) Trình bày theo lối quy nạp :

1) Lấy các ví dụ (từ bài hội thoại/bài đọc) để sinh viên quan sát, nhận xét:

- Anh gửi cho *ai*, tôi đưa cho người *ấy*
- Họ mua *gì*, tôi mua *nấy*
- Anh đi *đâu*, tôi đi *đấy*

2) Gợi ý sinh viên giải thích hiện tượng ngữ pháp

- Sự tương liên chức năng (S1 – S2, V1 – V2, ai...ấy, gì...nấy, v.v)

- Sự tương liên về ngữ nghĩa (hành động, đối tượng)

3) Khái quát hóa thành quy tắc ngữ pháp

ai	
gì	ấy
C ₁ + V ₂ + nào,.....	C ₂ + V ₂ + <i>nấy</i>
đâu	đấy
bao nhiêu	bấy nhiêu

4) Luyện tập, thực hành sử dụng.

b) Trình bày theo lối diễn dịch

1) Giới thiệu quy tắc ngữ pháp:

ai	
gì	ấy
C ₁ + V ₂ + nào,.....	C ₂ + V ₂ + <i>nấy</i>
đâu	đấy
bao nhiêu	bấy nhiêu

2) Lấy các ví dụ (từ bài học/bài hội thoại) minh họa:

- Anh gửi cho *ai*, tôi đưa cho người *ấy*
- Họ mua *gì*, tôi mua *nấy*
- Anh đi *đâu*, tôi đi *đấy*

3) Giải thích quy tắc ngữ pháp:

- Sự tương liên về chức năng (ai...ấy, gì...nấy, đâu...đấy)

- Sự tương liên về ngữ nghĩa (hành động, đối tượng)

4) Luyện tập, thực hành sử dụng

Giải thích nội dung ngữ pháp

Dạy ngữ pháp, dù là dạy theo phương pháp giao tiếp, không thể tránh khỏi việc giải thích cho người học về các quy tắc cú pháp. Có hai cách giải thích: hoặc giảng viên gợi ý để sinh viên tự giải thích trên cơ sở quan sát các ví dụ đã cho, hoặc giảng viên trực tiếp giải thích cho sinh viên. Nhưng dù giải thích theo cách nào thì mục đích đặt đến vẫn là phải làm sáng tỏ hiện tượng ngữ pháp hữu quan về các mặt ngữ nghĩa/chức năng và cách dùng. Để đạt được mục đích này, người dạy cần có những kỹ năng giải thích nhất định.

a) Giải thích về mặt ngữ nghĩa

- Phân tích chức năng ngữ nghĩa

Mẹ đi *chợ* (*chợ*: đích đến)

Mẹ đi *thuyền* (*thuyền*: phương tiện)

Con ăn *com* (*com*: đối tượng)

Con ăn *đũa* (*đũa*: phương tiện)

- Phân tích khả năng tính lược

ST + LT + DT

một con gà (+)

một gà (-)

hai quyển sách (+)

hai sách (-)

- Phân tích cái biến, ví dụ:

Tôi ăn *cơm với vợ* > Tôi ăn *cơm và vợ* (-)

Tôi ăn *cơm với cá* > Tôi ăn *cơm và cá* (+)

Người Việt Nam ăn *com* > Người Việt Nam ăn *bằng com* (-)

Người Việt Nam ăn *đũa* > Người Việt Nam ăn *bằng đũa* (+)

- Phân tích ngữ cảnh

Họ đi Hải Phòng *bao giờ*?

- Họ đi Hải Phòng *hôm qua*. (+)

- *Hôm qua*, họ đi Hải Phòng (-)

Hôm qua, họ đi *đâu*?

- *Hôm qua*, họ đi Hải Phòng (+)

- Họ đi Hải Phòng *hôm qua* (-)

- *Thế đồng nghĩa/gần nghĩa*:

Xa quá, làm sao mà đi bộ được > Xa quá, không thể đi bộ được.

Đi chậm thôi kéo ngã đấy > Đi chậm thôi, không thì sẽ ngã đấy

Quyển sách này mà hay > Quyển sách này không hay.

- Phân tích tương phản

Năm nay tôi 50 tuổi > Năm nay tôi đã 50 tuổi

Nó có 5 triệu đồng > Nó có những/mỗi 5 triệu đồng

- Phân tích đối chiếu (với ngữ đích)

1	2	3	4	5
Những bông hoa	này	//	rất	đẹp
pl.	flower	this	very	beautiful
3	2+1	6	4	5

These flowers // are very beautiful

b) Giải thích cách sử dụng

- Theo sự khác biệt về phong cách:

ĐA PHONG CÁCH	KHẨU NGỮ
Chúng tôi/em	Bọn tôi/em
Không có	Chẳng có
Ông tên là gì?	Ông tên gì?
2 bát phở tái	2 phở/tái
Rất đẹp	Đẹp quá
Không đẹp	Đẹp gì

v.v

- Theo sự khác biệt nghi thức:

TRANG TRỌNG	KHÔNG TRANG TRỌNG
(Khoảng cách)	(Thân mật)

Anh – tôi	Mình- cậu, tao –mày
Chào ông ạ	Chào ông
Thưa giám đốc	Thưa sếp
Xin ông cho biết quý danh?	Ông tên gì?
Kính thưa quý vị	Thưa bà con, cô bác
Chúng tôi không nghĩ rằng...	Chúng tôi đâu có nghĩ rằng..

v.v

- Theo sự khác biệt về phạm vi sử dụng:

TOÀN DÂN	ĐỊA PHƯƠNG
Không có	Hồng có
Cái này giá bao nhiêu?	Cái này giá nhiều?
Trời đất ơi!	Chèn đất ơi.

Cái gì lạ thế?

Cái gì kì vậy?

v.v

3.4 Luyện tập, thực hành

Luyện tập, thực hành là cách giáo viên giúp học viên biến các kiến thức ngữ pháp thụ động thành các hoạt động giao tiếp chủ động. Các hoạt động này trải qua hai giai đoạn: Hoạt động luyện tập có kiểm soát và hoạt động thực hành hội thoại tự do.

a) Luyện tập có kiểm soát: là hoạt động luyện tập theo các bài luyện, bài tập có sẵn trong giáo trình hoặc bài giảng. Đây là các dạng bài luyện, bài tập có giới hạn yêu cầu về ngữ pháp, giới hạn về chủ đề giao tiếp, được chuẩn bị trước và đôi khi có ví dụ mẫu. Yêu cầu của hoạt động luyện tập có kiểm soát này là người học phải sử dụng đúng hình thức và ý nghĩa của các quy tắc ngữ pháp. Hoạt động luyện tập có kiểm soát có thể được tiến hành theo các hình thức:

- Đơn thoại: Điền từ, lựa chọn từ ngữ đa phương án, biến đổi câu, hoàn chỉnh câu, đặt câu theo mẫu, nói theo tình huống cho sẵn, v.v.

- Đối thoại đơn giản (1 cặp thoại): chào – chào, hỏi – trả lời, khẳng định – bác bỏ, yêu cầu – từ chối, v.v.

b) Thực hành hội thoại tự do: là hoạt động hội thoại tự do về một chủ đề nhất định hoặc các chủ đề bất kì, với yêu cầu phải sử dụng quy tắc ngữ pháp đã học phù hợp với chủ đề và tình huống giao tiếp. Hoạt động này cũng có thể diễn ra dưới 2 hình thức:

- Đơn thoại: người nói tự do kể một câu chuyện hoặc thuyết trình về một chủ đề nào đó.

- Đối thoại phức tạp (gồm nhiều cặp thoại, nhiều lượt lời khác nhau): người nói đối thoại hoặc tranh luận với một học viên khác dưới hình thức sắm vai theo tình huống (giáo viên – sinh viên, người bán – người mua, giám đốc – nhân viên, v.v.)

3.5 Kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra đánh giá là hoạt động cuối cùng trong việc dạy ngữ pháp cho học viên. Có hai hình thức kiểm tra, đánh giá:

a) **Kiểm tra, đánh giá trên lớp:** thông qua các hoạt động giao tiếp giữa giáo viên và sinh viên, giữa sinh viên và sinh viên, hoặc các bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì ở dạng viết hoặc nói, cá nhân hay làm việc theo nhóm.

b) **Kiểm tra đánh giá kết quả học tập ở nhà:** Kết quả làm các bài tập có trong giáo trình mà học viên phải làm ở nhà hoặc các bài tập mở rộng ở nhà.

Để kiểm tra đánh giá tốt, giáo viên cần phải có hệ thống bài tập ở lớp và ở nhà phong phú, có tính mục đích rõ và có tính phân loại cao. Ngoài ra giáo viên cũng cần nắm vững các loại lỗi mà học viên thường gặp để dễ dàng nhận diện và giúp học viên chỉnh sửa trong quá trình rèn luyện, thực hành hoặc kiểm tra đánh giá. Nội dung về các dạng bài luyện, bài tập, các loại lỗi ngữ pháp mà người học tiếng Việt như một ngoại ngữ thường mắc phải, chúng tôi sẽ đề cập đến trong một dịp khác.

4. Kết luận

Ngữ pháp có một vai trò quan trọng trong việc dạy và học tiếng Việt như một ngoại ngữ. Theo phương pháp giao tiếp, mục đích của dạy ngữ pháp tiếng Việt cho người nước ngoài là giúp người học phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Việt, vì vậy cần kết hợp dạy cả kiến thức lẫn kỹ năng, cả theo lỗi điển hình lẫn theo lỗi quy nạp. Các nội dung ngữ pháp được lựa chọn giảng dạy phải phù hợp với chủ đề và các tính huống giao tiếp trong bài học, và phải được thiết kế lồng ghép vào các bài hội thoại, bài đọc, bài luyện, và thông qua các hoạt động giao tiếp. Để việc dạy ngữ pháp đạt được mục đích là phát triển năng lực giao tiếp, giảng viên cần nắm vững các kiến thức ngữ pháp, làm chủ kỹ năng trình bày và giải thích các quy tắc ngữ pháp, hướng dẫn học viên sử dụng đúng các

quy tắc đó trong các bài luyện có kiểm soát và thực hành hội thoại tự do, và có các hình thức kiểm tra, đánh giá, chữa lỗi phù hợp.

Tài liệu tham khảo

1. Bachman, L. (1990), *Fundamental considerations in language testing*. Oxford: Oxford University Press.
2. Bussmann, Hadumod. (1996), *Routledge dictionary of language and linguistics*. New York : Routledge.
3. Canale, M. and Swain, M. (1980), *Theoretical bases of communicative approaches to second language teaching and testing*. *Applied Linguistics* 1, 1-47.
4. Herron, C. & Tomasello, M. (1988), *Learning Grammatical Structures in a Foreign Language: Modelling versus Feedback*. *French Review* 61(6).
5. Krashen, S.D. (1992), *Principles and practices in second language acquisition*. New York: Pergamon.
6. Nguyễn Hồng Côn (2008), *Biến thể cú pháp và vấn đề dạy biến thể cú pháp cho người học tiếng Việt như ngôn ngữ thứ 2*. T/c Ngôn ngữ, số 6.
7. Nguyễn Đức Dân (1995), *Các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ*. T/c Ngôn ngữ, số 1.
8. Phan Văn Giưỡng (1995), *Ứng dụng quá trình giao tiếp vào giảng dạy tiếng Việt*. Trong: *Tiếng Việt như một ngoại ngữ*, Nxb Giáo dục 1995.
9. Vũ Thị Thanh Hương (2006), *Từ khái niệm “Năng lực giao tiếp” đến vấn đề dạy và học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông hiện nay*. T/c Ngôn ngữ, số 4.
10. Vũ Thị Thanh Hương (2007), *Dạy ngữ pháp theo cách tiếp cận giao tiếp*. T/c Ngôn ngữ, số 5.

* Báo cáo đã được trình bày tại Hội thảo quốc tế “Ngôn ngữ và văn hoá các nước Đông Á” tổ chức tại Đại học Cao Hùng, Đài Loan (12/5/2012), có sửa chữa.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 01-08-2012)